

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: **02332/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày **16** tháng **12** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí lập Đề án phát triển du lịch
tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 0121/TTr-SVHTTDL ngày 23/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí lập Đề án phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính như sau:

1. Tên Đề án: Đề án Phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ quan chủ trì lập Đề án: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk

3. Đơn vị thực hiện: Đơn vị tư vấn.

4. Mục tiêu của Đề án: Xây dựng định hướng các nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch, đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch, góp phần khẳng định thương hiệu du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế của du lịch tỉnh Đắk Lắk.

5. Nhiệm vụ của Đề án

- Đánh giá thực trạng các nguồn lực phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk (tài nguyên du lịch, hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, các chính sách phát triển du lịch); trong đó làm rõ các tài nguyên du lịch đặc sắc và lợi thế so sánh của tỉnh để làm căn cứ xây dựng các sản phẩm đặc thù của du lịch Đắk Lắk.

- Đánh giá hiện trạng về các chỉ tiêu phát triển du lịch; về sản phẩm du lịch; về công tác tổ chức quản lý, về đầu tư, về xúc tiến quảng bá du lịch, về liên kết phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025.

- Xác định các yếu tố thuận lợi, khó khăn thách thức và các yếu tố khác ảnh hưởng đến phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Định hướng phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (định hướng về các chỉ tiêu phát triển du lịch; định hướng về sản phẩm và thị trường du lịch; định hướng về tổ chức không gian và khu, tuyến, điểm du lịch; định hướng về đầu tư phát triển du lịch; định hướng về liên kết phát triển du lịch).

- Định hướng các chương trình (tour) du lịch cụ thể gắn với mục tiêu khai thác các sản phẩm du lịch tỉnh Đắk Lắk.

- Định hướng các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng các bản đồ du lịch tỉnh Đắk Lắk tỷ lệ 1/100.000 (bản đồ về tài nguyên du lịch; bản đồ về cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch; bản đồ về tổ chức không gian và khu, tuyến, điểm du lịch).

6. Phạm vi của Đề án

- Về không gian: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Đắk Lắk (có nghiên cứu đến mối liên kết với các tỉnh phụ cận).

- Về thời gian: Đánh giá thực trạng du lịch giai đoạn 2021 - 2025; định hướng phát triển du lịch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

7. Thời gian thực hiện: Trong 12 tháng kể từ khi Đề cương và Dự toán kinh phí được phê duyệt.

8. Kinh phí thực hiện

- Dự toán kinh phí: **994.928.000** đồng (*Bằng chữ: Chín trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng*).
- Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

9. Các nội dung khác: Theo Đề cương Đề án phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 kèm theo.

Điều 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm về nội dung Đề cương và Dự toán kinh phí như đề nghị theo đúng quy định. Đồng thời, có trách nhiệm phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo và sử dụng kinh phí đúng quy định hiện hành

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. */s/*

Nơi nhận: */s/*

- Như Điều 3;
- Bộ VHTT&DL (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Thành viên BCĐ Phát triển du lịch tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- TTCN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{Vu}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Mỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG

**Đề án phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02332 /QĐ-UBND ngày 16 / 12/2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)*

**I. TÊN ĐỀ ÁN: PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN
2026 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Tỉnh Đắk Lắk (hình thành trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Phú Yên và tỉnh Đắk Lắk cũ) có diện tích tự nhiên 18.096,40 km² và quy mô dân số 3.346.853 người (theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh); đây là một không gian phát triển rộng lớn, đa dạng về cảnh quan, giàu tiềm năng du lịch và hội tụ nhiều điều kiện để bứt phá. Trong bối cảnh mới, việc xây dựng một Đề án phát triển du lịch tổng thể, dài hạn là yêu cầu tất yếu, nhằm định vị lại vai trò của Đắk Lắk như một nơi hội tụ cả biển - đầm phá - cao nguyên - rừng - văn hóa dân tộc thiểu số tại chỗ.

Tỉnh Đắk Lắk hợp nhất sở hữu nguồn tài nguyên du lịch đặc sắc hiếm có. Cao nguyên rộng lớn với Vườn quốc gia Yok Đôn, Chư Yang Sin, hệ thống thác Drai Nur, D'ray Sáp Thượng, thác Thủy Tiên, thác Bìm Bịp, hồ Lắk, cùng văn hóa công chiêng Tây Nguyên và không gian cà phê độc đáo tạo thành bản sắc riêng có. Trong khi đó, vùng ven biển phía Đông Đắk Lắk mang đến những bãi biển hoang sơ, vũng vịnh thơ mộng như: Vịnh Xuân Đài, vịnh Vũng Rô, đầm Ô Loan, Bãi Môn - Mũi Điện, đảo Hòn Nưa, cù lao Mái Nhà... cùng danh thắng gành Đá Đĩa - di sản địa chất độc đáo bậc nhất. Sự cộng hưởng này mở ra một bức tranh tài nguyên đa tầng, có thể phát triển các tuyến sản phẩm liên vùng, giảm tính mùa vụ, kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng chi tiêu của du khách. Đây là lợi thế mà hiếm địa phương nào ở Việt Nam có được.

Tuy nhiên, thực trạng phát triển du lịch hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế. Hạ tầng chưa đồng bộ, kết nối biển - cao nguyên còn gián đoạn, dịch vụ thiếu tiêu chuẩn và sản phẩm du lịch còn đơn điệu, lặp lại. Các hoạt động quản lý, quảng bá, đào tạo nguồn nhân lực còn manh mún, chưa theo một chuẩn chung cho toàn tỉnh hợp nhất. Thương hiệu điểm đến chưa được định vị mạnh mẽ ở tầm quốc gia và quốc tế, trong khi lợi ích từ du lịch chưa thực sự lan tỏa đến cộng đồng dân cư, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Nếu không có một Đề án tổng thể, nguy cơ phát triển tự phát, trùng lặp, thậm chí xung đột lợi ích giữa các vùng là rất lớn. ✓

Đặc biệt, bối cảnh mới với những xu thế toàn cầu như tăng trưởng xanh, cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng và thay đổi trong hành vi du lịch (ưu tiên du lịch xanh, trách nhiệm, trải nghiệm dân tộc thiểu số tại chỗ) đặt ra yêu cầu phải có cách tiếp cận mới trong xây dựng định hướng phát triển du lịch. Đồng thời, việc thay đổi địa giới hành chính khiến “vùng phát triển” của Đắk Lắk không còn bó hẹp trong vùng Tây Nguyên truyền thống, mà nay trở thành một “vùng kép”: vừa gắn với không gian biển - đảo Duyên hải Nam Trung Bộ, vừa kết nối với rừng - núi Tây Nguyên. Điều này đòi hỏi cần có một chiến lược phát triển liên vùng mới, không đơn thuần là cộng gộp tài nguyên của hai tỉnh, mà phải khai thác lợi thế so sánh, hình thành các sản phẩm xuyên vùng có sức cạnh tranh quốc tế.

Chính vì vậy, việc lập Đề án phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có ý nghĩa then chốt. Đề án không chỉ là công cụ để thống nhất định hướng, tầm nhìn phát triển, mà còn là nền tảng để xây dựng các cụm sản phẩm chủ lực như: du lịch biển - đầm - đảo; du lịch sinh thái rừng khộp, voi có trách nhiệm; cà phê - công nghệ; văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số; tuyến địa chất bazan; du lịch sức khỏe - thể thao, thiên nhiên;... Đây cũng là cơ sở để hình thành một bộ nhận diện thương hiệu chung, kết nối chuỗi sự kiện lễ hội và đẩy mạnh quảng bá quốc tế.

Đặc biệt, Đề án sẽ chú trọng phát triển du lịch xanh như một trụ cột xuyên suốt. Mọi hoạt động đầu tư và khai thác sẽ tuân thủ nguyên tắc giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ đa dạng sinh học. Hệ thống hạ tầng du lịch được định hướng sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, khuyến khích vận tải xanh, dịch vụ du lịch không rác thải nhựa, ưu tiên công nghệ năng lượng tái tạo. Du lịch xanh không chỉ nâng cao trải nghiệm của du khách mà còn góp phần khẳng định thương hiệu Đắk Lắk là điểm đến tiên phong về phát triển du lịch bền vững trong khu vực.

Bên cạnh đó, Đề án sẽ định hình các giải pháp chuyển đổi số toàn diện, áp dụng GIS, IoT, vé điện tử, bản đồ số, hệ thống cảm biến đếm khách và dashboard (bảng điều khiển) giám sát thời gian thực. Các công cụ này không chỉ giúp quản lý sức chứa, nâng cao hiệu quả quảng bá, mà còn đảm bảo du lịch phát triển bền vững, có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Đồng thời, Đề án cũng là căn cứ để huy động, điều phối nguồn lực từ ngân sách, xã hội hóa, hợp tác công tư và tài trợ quốc tế cho các dự án hạ tầng trọng điểm.

Với định hướng đến năm 2050, Đắk Lắk sẽ trở thành điểm đến sinh thái - văn hóa tầm quốc tế, mô hình mẫu về du lịch xanh và có trách nhiệm, là trung tâm trải nghiệm cà phê toàn cầu, không gian giao thoa biển - cao nguyên độc đáo. Vì vậy, việc lập Đề án phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là rất cần thiết, là cơ hội để bứt phá, đồng thời giảm nguy cơ đối mặt suy thoái tài nguyên, quá tải điểm đến và chậm chân trong cuộc đua cạnh tranh du lịch toàn cầu.

III. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; 

- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Luật Di sản văn hóa ngày 23/11/2024;

- Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

- Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025;

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo tập trung nhiều về phát triển du lịch;

- Thông báo số 65-TB/ĐU ngày 04/6/2025 Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ tại cuộc họp về định hướng điều chỉnh phân vùng và điều chỉnh quy hoạch vùng kinh tế - xã hội;

- Quyết định số 2162/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

- Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung bộ"

đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;

- Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 18/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công điện số 34/CĐ-TTg ngày 10/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy phát triển du lịch, bảo đảm thực hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số;

- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 29/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam;

- Quyết định số 1355/QĐ-BVHTTDL ngày 12/4/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Bộ tiêu chí Nhân Du lịch bền vững Bông sen xanh áp dụng đối với các cơ sở lưu trú du lịch tại Việt Nam;

- Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 05/10/2024 về kinh tế - xã hội năm 2024 - 2025 và Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 về Đề án bổ sung phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên của Ban Chấp hành Trung ương;

- Đề án số 08/ĐA-TU ngày 28/3/2022 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến 2030;

- Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; 

- Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch tỉnh Phú Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Văn bản số 01965/UBND-KGVX ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc xây dựng Đề án phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Các văn bản pháp lý khác liên quan.

IV. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu lập Đề án

- Cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển du lịch xanh,...; đồng thời tuân thủ quy định của Luật Du lịch, Luật Quy hoạch, các Nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính và các quy hoạch khác có liên quan. Đây sẽ là công cụ pháp lý quan trọng để quản lý, định hướng và điều phối hoạt động du lịch thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh sau khi hợp nhất.

- Là cơ sở khoa học, pháp lý và thực tiễn để tổ chức quản lý, điều phối các hoạt động du lịch một cách thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Đề án hướng đến mục tiêu đánh giá toàn diện hiện trạng, tiềm năng và lợi thế đặc thù của tỉnh Đắk Lắk hợp nhất, đồng thời chỉ ra những hạn chế, thách thức và nguy cơ trong quá trình phát triển nếu không có định hướng chiến lược.

- Làm công cụ chỉ đạo thống nhất trong công tác quản lý nhà nước, xây dựng sản phẩm du lịch chủ lực, phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực, chuyển đổi số và quảng bá thương hiệu điểm đến. Đồng thời, Đề án cũng là căn cứ quan trọng để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, từ ngân sách, xã hội hóa đến hợp tác quốc tế.

- Bảo đảm nguyên tắc phát triển du lịch xanh, coi trọng sự hài hòa giữa khai thác và bảo tồn, giữa tăng trưởng kinh tế với gìn giữ tài nguyên thiên nhiên, môi trường và bản sắc văn hóa. Đề án hướng tới việc xây dựng Đắk Lắk trở thành trung tâm du lịch sinh thái - văn hóa - biển - cao nguyên mang tầm quốc gia và quốc tế. Qua đó, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực, đồng thời tạo nền tảng pháp lý, định hướng lâu dài cho quản lý, đầu tư và khai thác du lịch hiệu quả, có trách nhiệm.

2. Nhiệm vụ

- Đánh giá thực trạng và tiềm năng phát triển du lịch tỉnh.
- Phân tích bối cảnh và xu thế phát triển mới ảnh hưởng đến du lịch tỉnh.
- Xây dựng hệ thống quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch.
- Định hướng những mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc... để xây dựng Bộ tiêu chí Du lịch xanh gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh

Đắk Lắk áp dụng cho các cơ sở lưu trú; cơ sở dịch vụ; các khu, điểm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, văn hóa lịch sử, làng nghề, du lịch cộng đồng;...

- Xây dựng các nhiệm vụ và giải pháp phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm.

- Định hướng nhu cầu nguồn lực thực hiện và hiệu quả của Đề án.

3. Phạm vi

a) Về không gian

Nghiên cứu trên toàn bộ không gian của tỉnh Đắk Lắk với diện tích 18.096,40 km², ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai.

- Phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng.

- Phía Đông giáp tỉnh Khánh Hòa và biển Đông.

- Phía Tây giáp Campuchia và tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra, nghiên cứu kết nối tỉnh Đắk Lắk với các tỉnh trong và ngoài vùng, với quốc tế,...

b) Về thời gian

- Các số liệu hiện trạng được phân tích đánh giá trong giai đoạn từ năm 2021 - 2025.

- Định hướng phát triển du lịch giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Đối tượng nghiên cứu lập Đề án

Đối tượng nghiên cứu là các hoạt động du lịch và yếu tố tự nhiên, kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng liên quan đến du lịch của tỉnh Đắk Lắk.

5. Phương pháp nghiên cứu lập Đề án

Đề án phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng dựa trên việc sử dụng tổng hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp thu thập tài liệu: Lựa chọn những tài liệu, số liệu, những thông tin có liên quan đến nội dung và đối tượng nghiên cứu trong Đề án.

- Phương pháp phân tích tổng hợp: Phân tích, đánh giá toàn diện các nội dung, các đối tượng nghiên cứu trong Đề án.

- Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Thu thập những thông tin quan trọng cần thiết cho quá trình phân tích, đánh giá và xử lý các tài liệu và số liệu.

- Phương pháp kế thừa: Kế thừa các tài liệu liên quan đến Đề án của các tác giả trong và ngoài nước và các số liệu từ các quy hoạch khác liên quan.

- Phương pháp xử lý số liệu: Các số liệu điều tra, thu thập được phân tích ✓

xử lý bằng phần mềm Excel và các phần mềm khác.

- Phương pháp dự báo, chuyên gia: Được áp dụng để nghiên cứu một cách toàn diện các yếu tố khách quan và chủ quan; những thuận lợi và khó khăn thách thức... có ảnh hưởng đến việc phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk.

- Phương pháp bản đồ: Các kết quả, nội dung phân tích, nghiên cứu, đánh giá, tổng hợp... được phương pháp bản đồ thể hiện một cách trực quan các nội dung nghiên cứu.

V. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN

1. Đánh giá thực trạng và tiềm năng phát triển du lịch tỉnh

- Khảo sát thực trạng tài nguyên du lịch: Điều tra, đánh giá toàn diện các loại hình tài nguyên du lịch đặc trưng của tỉnh Đắk Lắk, bao gồm: hệ sinh thái rừng đặc dụng, vườn quốc gia, thác hồ, núi lửa bazan; tài nguyên biển - đầm - vịnh; di sản văn hóa - lịch sử; làng nghề truyền thống, âm nhạc dân gian như hò Bả Trạo, hò Khoan, hò Bài Chòi cùng các loại nhạc cụ truyền thống như công chiêng, đàn đá, nhạc cụ tre, nứa...; lễ hội dân gian tiêu biểu như lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Chùa Đá Trắng, Nghi lễ vòng đời, lễ hội dân gian Việt Bắc...; Nghệ thuật bài chòi, không gian văn hóa công chiêng và các mô hình du lịch cộng đồng.

- Đánh giá hệ thống sản phẩm và hạ tầng du lịch hiện có: Phân loại, thống kê và phân tích các sản phẩm du lịch chủ đạo (sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, du lịch biển, cà phê, ẩm thực đặc sản). Kiểm kê hiện trạng hạ tầng phục vụ du lịch (giao thông, cảng biển, sân bay, bến xe, lưu trú, nhà hàng, trung tâm dịch vụ), đồng thời đánh giá năng lực quản lý điểm đến và chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch trên toàn tỉnh.

- Phân tích SWOT toàn ngành du lịch trong bối cảnh mới: Xác định rõ các điểm mạnh (Strengths) như sự đa dạng tài nguyên biển - cao nguyên - văn hóa; các điểm yếu (Weaknesses) như hạ tầng chưa đồng bộ, sản phẩm thiếu tính liên kết; cơ hội (Opportunities) từ bối cảnh sáp nhập tỉnh, xu hướng du lịch xanh và hội nhập quốc tế; thách thức (Threats) từ cạnh tranh điểm đến, biến đổi khí hậu, quá tải môi trường,...

2. Phân tích bối cảnh và xu thế phát triển mới ảnh hưởng đến du lịch tỉnh

a) Nghiên cứu cơ sở chiến lược

- Làm rõ định hướng phát triển du lịch của Đắk Lắk trong mối liên hệ với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và chiến lược vùng Tây Nguyên - Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Phân tích vai trò và vị trí của tỉnh trong mạng lưới phát triển vùng, đặc biệt là khả năng liên kết tuyến biển - cao nguyên - cửa khẩu quốc tế.

- Nghiên cứu tác động của bối cảnh phát triển mới

- Đánh giá tác động của đô thị hóa, công nghiệp hóa đến tài nguyên, hạ tầng và nhu cầu du lịch.

- Xác định yêu cầu và cơ hội từ chuyển đổi số đối với quản lý điểm đến, hệ thống vé điện tử, bản đồ số, quảng bá và trải nghiệm thông minh.

- Phân tích vai trò của tăng trưởng xanh trong định hướng phát triển du lịch, đặc biệt liên quan đến tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, bảo vệ đa dạng sinh học và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Làm rõ tác động của hội nhập quốc tế, cơ hội thu hút khách quốc tế, hợp tác đầu tư, liên kết quảng bá thương hiệu du lịch Đắk Lắk.

b) Nghiên cứu cơ hội và thách thức sau sáp nhập hành chính

- Đánh giá tiềm năng và lợi thế của tỉnh mới sau sáp nhập: hệ sinh thái tài nguyên đa tầng, đa dạng (cồng chiêng - cà phê - thác hồ - rừng khộp - biển đảo - di sản địa chất).

- Xác định các chuỗi sản phẩm liên vùng có khả năng hình thành để kéo dài thời gian lưu trú, gia tăng chi tiêu của khách.

- Phân tích những thách thức: thiếu đồng bộ trong quản lý, nguy cơ phát triển tự phát, hạ tầng kết nối biển - cao nguyên chưa hoàn chỉnh, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, áp lực bảo tồn trong bối cảnh khách tăng nhanh và biến đổi khí hậu,...

3. Xây dựng hệ thống quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch cho giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

a) Nghiên cứu hệ thống quan điểm phát triển

- Làm rõ quan điểm phát triển du lịch xanh, bền vững, có trách nhiệm, gắn với bảo tồn hệ sinh thái rừng, biển, cao nguyên và di sản địa chất.

- Định hướng khai thác tài nguyên sẵn có với phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số tại chỗ, đặc biệt là không gian văn hóa cồng chiêng, lễ hội, ẩm thực và nghề truyền thống.

- Xác định quan điểm coi cộng đồng dân cư là chủ thể tham gia, đảm bảo chia sẻ lợi ích và nâng cao đời sống.

b) Xác định mục tiêu phát triển du lịch đến năm 2030

- Xác định mục tiêu tổng quát về vai trò và vị thế du lịch của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống mục tiêu cụ thể, định lượng (lượt khách, doanh thu, tỷ trọng GRDP, hạng mục đầu tư, mức đầu tư, hệ thống cơ sở lưu trú, phát triển vùng - tuyến - sản phẩm du lịch chủ lực).

- Đưa ra các chỉ tiêu định hướng để quản lý, đánh giá và điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

c) Nghiên cứu tầm nhìn dài hạn đến năm 2050

- Định hướng du lịch là ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.
- Xác định tầm nhìn đưa Đắk Lắk trở thành điểm đến sinh thái - văn hóa tâm quốc tế, trung tâm trải nghiệm cà phê toàn cầu, không gian giao thoa biển - cao nguyên đặc sắc.
- Định hướng phát triển du lịch có trách nhiệm, gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, đồng thời nâng cao chất lượng sống cộng đồng.

4. Nhiệm vụ phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk

Xây dựng các nhiệm vụ phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 toàn diện về các lĩnh vực:

a) Xây dựng Bộ tiêu chí Du lịch xanh

- Định hướng, cơ sở, yêu cầu, nguyên tắc nghiên cứu xây dựng Bộ tiêu chí Du lịch xanh dành riêng cho tỉnh Đắk Lắk, bảo đảm phù hợp với định hướng của quốc gia, đồng thời tiếp cận các chuẩn mực quốc tế về phát triển du lịch bền vững. Bộ tiêu chí phải phản ánh được đặc thù của một tỉnh vừa có biển, đầm phá, vừa có cao nguyên, rừng và văn hóa dân tộc thiểu số tại chỗ đa dạng.
- Gắn kết bảo tồn và phát huy giá trị đặc trưng: Các tiêu chí phải khuyến khích bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - lịch sử (công chiêng, lễ hội, nghề truyền thống, ẩm thực, cà phê...), bảo vệ môi trường tự nhiên (hệ sinh thái rừng khộp, thác nước, hồ, biển), bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó biến đổi khí hậu, trong đó nhấn mạnh yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính.
- Phạm vi áp dụng: Bộ tiêu chí được áp dụng cho tất cả loại hình du lịch trên địa bàn tỉnh, bao gồm cơ sở lưu trú, cơ sở dịch vụ, các khu - điểm du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử, làng nghề, du lịch cộng đồng và du lịch trải nghiệm nông nghiệp - cà phê.
- Các tiêu chí xanh cụ thể: Chú trọng yêu cầu tiết kiệm năng lượng, quản lý và tái chế chất thải, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường trong xây dựng và dịch vụ; phát triển chuỗi cung ứng xanh (ẩm thực địa phương, thủ công mỹ nghệ); đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng, khuyến khích người dân tham gia trực tiếp vào thực hành du lịch xanh.

b) Xác định các thị trường mục tiêu

- Nghiên cứu phân loại và định vị thị trường khách theo hướng bền vững
- + Làm rõ đặc điểm, nhu cầu của các nhóm khách nội địa và quốc tế.
- + Xác định phân khúc khách có khả năng chi tiêu cao, lưu trú dài ngày, quan tâm đến văn hóa - di sản - sinh thái, đặc biệt là nhóm khách tìm kiếm trải nghiệm “du lịch xanh”, thân thiện môi trường.
- Nghiên cứu thị trường quốc tế trọng điểm
- + Phân tích nhu cầu và xu hướng của khách từ Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Hàn Quốc, Bắc Mỹ,...

+ Đánh giá mức độ phù hợp của sản phẩm du lịch Đắc Lắc (sinh thái rừng, cà phê - công chiêng, du lịch cộng đồng, kết nối cao nguyên - biển) đối với từng thị trường.

- Nghiên cứu thị trường nội địa trọng điểm

+ Tập trung khảo sát các nguồn khách lớn từ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị lớn.

+ Làm rõ xu hướng tiêu dùng du lịch của tầng lớp trung lưu mới nổi: nhu cầu nghỉ dưỡng, trải nghiệm văn hóa - sinh thái - ẩm thực, du lịch kết hợp sự kiện.

- Nghiên cứu chiến lược xúc tiến - quảng bá

+ Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu “Đắc Lắc - Điểm đến xanh, an toàn, văn minh”.

+ Xác định phương thức truyền thông số hiệu quả, kết hợp quảng bá tại các sự kiện du lịch quốc tế, đồng thời lồng ghép các lễ hội đặc trưng (cà phê, công chiêng, biển - đầm phá) thành công cụ lan tỏa thương hiệu.

+ Nghiên cứu cơ chế hợp tác với các hãng lữ hành, hàng không, nền tảng trực tuyến để mở rộng mạng lưới tiếp cận và thu hút khách hàng.

c) Định hướng phát triển sản phẩm du lịch chủ lực, đặc thù và dịch vụ hỗ trợ

Xây dựng các định hướng phát triển các sản phẩm du lịch chủ lực, đặc thù của tỉnh Đắc Lắc và các dịch vụ hỗ trợ như:

- Nghiên cứu hệ thống sản phẩm văn hóa - di sản

+ Làm rõ tiềm năng khai thác không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên, lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột, các lễ hội truyền thống và nghệ thuật dân gian của đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng phương án tổ chức trình diễn, tái hiện nghi lễ gắn với di sản, đảm bảo tiêu chí bảo tồn nguyên gốc và giảm thiểu rác thải, thương mại hóa quá mức.

+ Nghiên cứu định hướng khai thác các giá trị tài nguyên hiện có liên quan đến “Di sản đá tự nhiên” và “Di sản Văn hóa Đá” phát triển đa dạng dịch vụ du lịch phục vụ du lịch đại chúng (du lịch đại trà) trong giới hạn sức chịu tải môi trường, sức chứa không gian tài nguyên và có tính toán đến yếu tố bảo tồn. Lập hồ sơ trình UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu để bảo tồn, khai thác bền vững các giá trị di sản địa chất, di sản văn hóa và đa dạng sinh học trong vùng, phục vụ các hoạt động du lịch nghiên cứu, khám phá, trải nghiệm. Trong giai đoạn dài hạn, tiếp tục khai thác nâng cao các giá trị tài nguyên du lịch gắn với di sản thiên nhiên và văn hóa đá để phát triển mở rộng thêm các dịch vụ du lịch chất lượng, đẳng cấp, hướng đến các phân khúc thị trường khách cao cấp, khách trí thức, nâng cấp sản phẩm du lịch di sản văn hóa Đá mang thương hiệu quốc tế sau khi Công viên địa chất Phú Yên trở thành công viên địa chất toàn cầu UNESCO và trình Hồ sơ công nhận di sản thiên nhiên thế giới cho gành Đá Đĩa. *N*

+ Nghiên cứu định hướng kết nối chuỗi di sản - du lịch - văn hóa phía Đông và Tây tỉnh Đắk Lắk: Sau khi sáp nhập hành chính, không gian mới của tỉnh Đắk Lắk mang trong mình tiềm năng đặc biệt vừa sở hữu vùng biển - đầm phá với di sản gành Đá Đĩa độc nhất vô nhị, vừa nắm giữ cao nguyên bazan rộng lớn của Tây Nguyên. Trên nền tảng đó, cần hình thành một chuỗi giá trị di sản - du lịch - văn hóa thống nhất, lấy câu chuyện xuyên suốt là “hành trình đá bazan - từ biển đến cao nguyên”. Đây không chỉ là tuyến sản phẩm du lịch mà còn là khung ý tưởng để kiến tạo một Di sản UNESCO dạng chuỗi (serial property), tôn vinh giá trị toàn diện của bazan ở Việt Nam. Câu chuyện di sản bazan - từ biển đến cao nguyên, bao gồm:

Biển Phú Yên: Gành Đá Đĩa, Gành Đèn, Vịnh Xuân Đài, Đầm Ô Loan - những kỳ quan bazan ven biển gắn với văn hóa làng chài; âm nhạc dân gian như hò Bả Trạo, hò Khoan, hò Bài Chòi cùng các loại nhạc cụ truyền thống như cồng chiêng, đàn đá...; lễ hội dân gian tiêu biểu như lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Chùa Đá Trắng, ...

Cao nguyên Đắk Lắk: không gian bazan màu mỡ tạo nên hệ sinh thái rừng khộp, thác Drai Nur – D’ray Sáp Thượng, hồ Lắk, cùng bản sắc cồng chiêng, cà phê, kiến trúc nhà dài, Nghi lễ vòng đời (Người M’ông), lễ hội dân gian Việt Bắc.

Sự nối kết: một hành trình liền mạch, nơi du khách và nhà khoa học có thể đọc được lịch sử, địa chất hàng triệu năm từ cột bazan biển đến đất bazan cao nguyên và cảm nhận mối gắn bó mật thiết giữa con người với môi trường đá.

Mở rộng liên kết di sản khu vực: Không dừng lại trong phạm vi tỉnh, chuỗi di sản bazan có thể được mở rộng thành hành lang liên vùng:

Phía Bắc: đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), “bảo tàng núi lửa ngoài trời” với miệng núi lửa, vách đá bazan và văn hóa hải đảo.

Phía Nam: đảo Phú Quý, tỉnh Lâm Đồng, với cấu trúc bazan ven biển và hệ sinh thái san hô.

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm du lịch sinh thái - cộng đồng

+ Khảo sát tiềm năng du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Yok Đôn, Chư Yang Sin, hồ Lắk, thác Drai Nur – D’ray Sáp Thượng, thác Bìm Bịp, thác Thủy Tiên, và ven biển (Gành Đá Đĩa, đầm Ô Loan, vịnh Xuân Đài, vịnh Vũng Rô, đảo Hòn Nưa, cù lao Mái Nhà...).

+ Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng xanh gắn với bảo tồn buôn làng, kiến trúc truyền thống, nông nghiệp hữu cơ và ẩm thực truyền thống.

+ Nghiên cứu định hướng phát triển nhóm sản phẩm “Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hồ trên núi” thành một trong những sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh và khu vực: Giai đoạn trước mắt nghiên cứu khai thác, phát triển trọng tâm, trọng điểm một số khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng núi, hồ tại những địa phương có giá trị tài nguyên du lịch hồ độc đáo cả về giá trị cảnh quan tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu và văn hóa dân tộc thiểu số tại chỗ. Trong giai đoạn dài hạn, N

khai thác mở rộng sản phẩm du lịch sinh thái hồ sang các địa phương khác có tiềm năng, hình thành “chuỗi du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng núi, hồ” tại các địa phương khác của tỉnh.

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm làng nghề xanh
 - + Điều tra, thống kê và đánh giá hiện trạng các làng nghề thủ công (dệt thổ cẩm, đan lát, nhạc cụ tre nứa, chế biến hải sản, mỹ nghệ đá bazan).
 - + Giải pháp áp dụng tiêu chuẩn sản xuất sạch, giảm phát thải, gắn sản phẩm làng nghề với du lịch và trưng bày - bán hàng tại các điểm đến.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm du lịch đô thị - nghỉ dưỡng
 - + Đánh giá tiềm năng du lịch đô thị Buôn Ma Thuột và các khu đô thị ven biển Phú Yên, định hướng xây dựng tuyến phố đi bộ, ẩm thực, nghệ thuật đường phố và các trung tâm nghỉ dưỡng biển - hồ.
 - + Phát triển đa dạng sản phẩm, dịch vụ du lịch biển, đảo đáp ứng đồng thời thị trường khách cao cấp và khách đại trà, khách nội địa và khách quốc tế.
 - + Xác định mô hình khai thác dịch vụ chất lượng cao gắn với tiêu chuẩn du lịch xanh, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu thân thiện môi trường.
- Nghiên cứu định hướng phát triển dịch vụ hỗ trợ theo hướng xanh
 - + Khảo sát và xây dựng phương án nâng cao chất lượng dịch vụ ẩm thực, vận tải, mua sắm, lưu trú theo chuẩn xanh, gắn với nguyên liệu sạch, hữu cơ và phương tiện di chuyển thân thiện môi trường.
 - + Đề xuất ứng dụng công nghệ số (GIS, IoT, du lịch thông minh) trong quản lý rác thải, tiết kiệm năng lượng và nâng cao trải nghiệm xanh cho du khách.

d) Xây dựng mô hình phát triển du lịch xanh, bền vững, có trách nhiệm gắn với bảo tồn di sản và phát triển cộng đồng

- Nghiên cứu xây dựng mô hình du lịch cộng đồng - sinh thái kiểu mẫu: Khảo sát các vùng rừng đặc dụng, vườn quốc gia (Yok Đôn, Chư Yang Sin), hồ Lắk, sông Sêrêpôk, cùng các làng nghề, làng văn hóa truyền thống. Định hướng mô hình du lịch cộng đồng - sinh thái mẫu, vừa bảo tồn tài nguyên tự nhiên, vừa nâng cao sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số.
- Xây dựng trung tâm du lịch xanh vận hành theo cơ chế tuần hoàn: Xác định vị trí và điều kiện để phát triển các trung tâm du lịch xanh, tích hợp giải pháp giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng nước và chất thải. Định hướng cơ chế quản lý có sự tham gia của cộng đồng trong khai thác dịch vụ, bảo tồn rừng, bảo vệ môi trường và phát huy văn hóa dân tộc thiểu số tại chỗ.
- Thiết lập hệ thống giám sát môi trường và phát thải carbon: Nghiên cứu giải pháp áp dụng công nghệ số (GIS, IoT, dashboard¹ giám sát) để theo dõi chất

¹ Hay còn gọi là bảng điều khiển, là một giao diện đồ họa cung cấp cái nhìn tổng quan về các chỉ số hiệu suất chính liên quan đến một mục tiêu hoặc quy trình cụ thể; thường được sử dụng

lượng không khí, nước, rác thải tại các khu - điểm du lịch. Định hướng phương pháp tính toán, báo cáo lượng phát thải carbon của các cơ sở du lịch, làm căn cứ để thực hiện các biện pháp bù đắp và giảm thiểu.

- Tích hợp tiêu chí công bằng xã hội và ESG (môi trường - xã hội - quản trị) trong phát triển du lịch: Nghiên cứu cơ chế khuyến khích doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, khu điểm, dịch vụ du lịch khác áp dụng bộ chỉ số ESG. Định hướng giải pháp đảm bảo lợi ích công bằng cho cộng đồng địa phương, đặc biệt là nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển du lịch xanh.

e) Định hướng không gian phát triển du lịch

- Quy hoạch các vùng du lịch trọng điểm

+ Vùng du lịch sinh thái - vườn quốc gia và các di tích danh lam thắng cảnh: Tập trung khai thác, khám phá, tìm hiểu hệ sinh thái tại các Vườn Quốc gia Yok Đôn, vườn Quốc gia Chư Yang Sin, Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô, kết hợp trải nghiệm các Di tích danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: Thác Drai Nư, thác D'ray Sáp Thượng, thác Thủy Tiên, thác Bìm Bịp, hồ Lắk, thác Dray K'nao, thác buôn H'Ngô, thác Liêng Gu Gar, rừng khộp Tây Nguyêntrên địa phận Tây Đắk Lắk.

+ Vùng du lịch văn hóa - di sản công chiêng và cà phê: Khai thác không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, các buôn làng dân tộc, bảo tàng Đắk Lắk, bảo tàng cà phê, lễ hội truyền thống.

+ Vùng du lịch biển - đầm phá gồm: Gành Đá Đĩa, vịnh Xuân Đài, vịnh Vũng Rô, đầm Ô Loan, Mũi Điện - Đại Lãnh, đảo Hòn Nưa, cù lao Mái Nhà... tạo trục liên kết biển - cao nguyên độc đáo và đặc biệt.

+ Vùng du lịch làng nghề và nông nghiệp xanh: Phát triển du lịch trải nghiệm tại các vùng cà phê, hồ tiêu, cao su, kết hợp với các làng nghề thủ công truyền thống.

+ Vùng du lịch đô thị - Dịch vụ hiện đại: Đô thị Buôn Ma Thuột và đô thị Tuy Hòa phát triển loại hình du lịch MICE², nghỉ dưỡng, thương mại kết hợp với tìm hiểu văn hóa, lịch sử truyền thống thông qua các thiết chế văn hóa như: Bảo tàng, di tích, các buôn, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

- Định hướng liên kết không gian

+ Phát triển theo nguyên tắc liên kết vùng - liên kết tuyến, kết nối từ biển đến cao nguyên và mở rộng sang các tỉnh vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ (nay là vùng Nam Trung Bộ theo Thông báo số 65-TB/ĐU ngày 04/6/2025 Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ tại cuộc họp về định hướng điều chỉnh phân vùng và điều chỉnh quy hoạch vùng kinh tế - xã hội).

dụng để hiển thị dữ liệu, số liệu thống kê, biểu đồ và thông tin quan trọng một cách trực quan và dễ hiểu.

² Là loại hình du lịch kinh doanh kết hợp các hoạt động như: Meeting (hội họp), Incentive (khen thưởng), Conference (hội nghị/hội thảo) và Exhibition (triển lãm).

+ Tổ chức không gian gắn với bảo tồn di sản văn hóa - tự nhiên, bảo vệ hệ sinh thái rừng, biển và cảnh quan bazan đặc trưng.

- Xác định khu du lịch tiềm năng và lộ trình phát triển

+ Ưu tiên phát triển trước các khu có hạ tầng tiếp cận thuận lợi, tiềm năng hình thành sản phẩm đặc thù, có khả năng áp dụng mô hình du lịch xanh - sinh thái.

+ Từng bước đầu tư mở rộng sang các khu vực tiềm năng mới, đảm bảo phát triển hài hòa, tránh quá tải và thương mại hóa di sản.

f) Phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ các loại hình du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững

- Hạ tầng giao thông xanh và thông minh

+ Nghiên cứu khả năng phát triển các tuyến giao thông kết nối biển - cao nguyên - đô thị bằng phương tiện công cộng thân thiện với môi trường (xe điện, xe sử dụng năng lượng tái tạo).

+ Đánh giá nhu cầu và mô hình triển khai hệ thống vận tải công cộng phục vụ du lịch tại đô thị Buôn Ma Thuột, đô thị Tuy Hòa và các tuyến đến các điểm di sản trọng điểm (Gành Đá Đĩa, Nhà Đầy Buôn Ma Thuột, hồ Lắk, Yok Đôn).

+ Đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ quản lý giao thông thông minh nhằm tối ưu hóa di chuyển, giảm ùn tắc và phát thải khí nhà kính.

- Cơ sở lưu trú và nghỉ dưỡng xanh

+ Khảo sát tiềm năng và yêu cầu đầu tư các khách sạn, resort, homestay theo tiêu chuẩn xanh, hài hòa với khí hậu và cảnh quan biển - rừng - cao nguyên.

+ Nghiên cứu mô hình homestay cộng đồng xanh tại các buôn làng dân tộc, gắn với trải nghiệm văn hóa dân tộc thiểu số tại chỗ và bảo tồn kiến trúc truyền thống.

- Hạ tầng môi trường và xử lý chất thải

+ Đánh giá hiện trạng và phương án xử lý rác thải, nước thải tại các khu - điểm du lịch theo chuẩn quốc tế.

+ Nghiên cứu khả năng áp dụng mô hình phân loại rác tại nguồn, tuần hoàn tài nguyên và tái chế trong toàn ngành du lịch.

+ Xác định vị trí, quy mô cần thiết để xây dựng các trạm xử lý chất thải tập trung tại các khu du lịch trọng điểm (Gành Đá Đĩa, hồ Lắk, Yok Đôn, vịnh Xuân Đài).

- Hạ tầng số và quản lý thông minh

+ Xây dựng định hướng phát triển bản đồ số du lịch toàn tỉnh, có khả năng kết nối liên vùng và tích hợp các tuyến điểm biển - cao nguyên - văn hóa.

+ Nghiên cứu giải pháp phát triển ứng dụng quản lý điểm đến thông minh, hỗ trợ tra cứu dịch vụ, đặt vé, phản ánh trực tuyến. 

+ Đề xuất việc ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data) và IoT trong giám sát lượng khách, sức chứa điểm đến, đồng thời dự báo các tác động môi trường - cảnh quan.

g) Các nhiệm vụ hỗ trợ khác

- Đào tạo nguồn nhân lực du lịch

+ Nghiên cứu nhu cầu và xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng phục vụ khách, xây dựng sản phẩm du lịch mới cho cộng đồng địa phương và doanh nghiệp du lịch về thực hành du lịch bền vững.

+ Xác định các mô hình thí điểm để nâng cao năng lực quản lý, phục vụ, hướng dẫn viên và nhân lực kỹ thuật theo chuẩn “du lịch xanh”.

+ Đánh giá hiệu quả các chương trình đào tạo hiện có, các chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia.

- Truyền thông và nâng cao nhận thức

+ Nghiên cứu chiến lược truyền thông du lịch xanh phù hợp với đặc thù tỉnh Đắk Lắk, gắn với các giá trị di sản, bản sắc văn hóa và môi trường.

+ Xây dựng các chương trình giáo dục cộng đồng và chiến dịch tuyên truyền cho du khách về bảo tồn di sản, tiết kiệm tài nguyên, giảm rác thải nhựa và ứng xử có trách nhiệm tại điểm đến.

+ Đề xuất các công cụ truyền thông số, ứng dụng trực tuyến, biển báo thông minh, và hoạt động trải nghiệm giáo dục tại chỗ.

- Liên kết vùng và hợp tác quốc tế

+ Nghiên cứu cơ chế liên kết phát triển du lịch xanh giữa Đắk Lắk và các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ, tạo chuỗi sản phẩm liên vùng (biển - cao nguyên - văn hóa).

+ Đề xuất các mô hình hợp tác với tổ chức quốc tế (UNESCO, UNWTO, JICA, KOICA...) để học hỏi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ và huy động nguồn lực cho du lịch xanh.

+ Xác định các thị trường, sự kiện và mạng lưới quốc tế ưu tiên để đưa hình ảnh du lịch xanh Đắk Lắk ra thế giới.

5. Các giải pháp phát triển du lịch

a) Giải pháp về thể chế, chính sách quản lý

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách đặc thù để khuyến khích phát triển du lịch xanh, bền vững; lồng ghép mục tiêu tăng trưởng xanh vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, xây dựng hệ thống tiêu chí, quy chuẩn “Du lịch xanh Đắk Lắk” phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa - xã hội của địa phương. ✓

- Ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng và nhà đầu tư triển khai mô hình du lịch sinh thái, cộng đồng, nông nghiệp xanh và du lịch thông minh.

b) Giải pháp truyền thông, nâng cao nhận thức

- Triển khai các chiến dịch truyền thông hướng tới du khách, cộng đồng và doanh nghiệp về trách nhiệm bảo vệ môi trường, gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống, giảm thiểu rác thải nhựa.

- Xây dựng chương trình giáo dục, tập huấn thường xuyên cho người dân và lực lượng tham gia hoạt động du lịch để hình thành lối sống du lịch xanh.

c) Giải pháp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lao động du lịch về kỹ năng nghiệp vụ, quản lý và vận hành dịch vụ theo tiêu chuẩn xanh.

- Khuyến khích phát triển lực lượng hướng dẫn viên, thuyết minh viên am hiểu sinh thái - văn hóa dân tộc thiểu số tại chỗ để nâng cao chất lượng trải nghiệm du khách.

- Hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số trong đào tạo nghề du lịch, gắn với bảo tồn văn hóa truyền thống, xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng.

d) Giải pháp liên kết, hợp tác phát triển du lịch

- Tăng cường liên kết vùng với Tây Nguyên và Duyên Hải Nam Trung Bộ, xây dựng sản phẩm du lịch liên hoàn “biển - cao nguyên - rừng - văn hóa”.

- Mở rộng hợp tác quốc tế trong phát triển du lịch xanh, tranh thủ sự hỗ trợ từ UNESCO, UNWTO, JICA, KOICA... về kỹ thuật, tài chính và quảng bá.

e) Giải pháp quảng bá, xúc tiến du lịch

- Xây dựng thương hiệu “Đắk Lắk - điểm đến xanh, an toàn, văn minh”.

- Đẩy mạnh quảng bá số, ứng dụng công nghệ số trong tiếp thị, quảng bá và quản lý điểm đến.

- Tổ chức các sự kiện, lễ hội văn hóa - du lịch đặc trưng như: Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột, Lễ hội Cồng chiêng, Lễ hội sầu riêng, Lễ hội dân gian Việt Bắc, Nghi lễ vòng đời, sự kiện thể thao - sinh thái quốc tế để tạo dấu ấn và lan tỏa thương hiệu.

f) Các giải pháp khác

- Đầu tư phát triển hạ tầng xanh: giao thông, cơ sở lưu trú, xử lý chất thải, năng lượng tái tạo.

- Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng bộ chỉ số ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) trong quản trị du lịch.

- Thiết lập hệ thống giám sát môi trường và sức chứa điểm đến, bảo đảm khai thác hợp lý và bền vững tài nguyên. *W*

6. Xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm

Xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm cho các cấp, các ngành, địa phương và doanh nghiệp:

- Tiến độ triển khai các giai đoạn (chuẩn bị, thực hiện, đánh giá).
- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư.
- Cơ chế phối hợp giữa cơ quan nhà nước - doanh nghiệp - cộng đồng.

7. Dự kiến nhu cầu nguồn lực thực hiện và hiệu quả của Đề án

- Dự kiến kinh phí theo giai đoạn và nguồn huy động (ngân sách nhà nước, xã hội hóa, ODA, PPP...).
- Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và phát triển bền vững du lịch.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường: Tính toán hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của việc đầu tư phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk.

8. Đánh giá môi trường chiến lược, các giải pháp bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường

Phân tích đánh giá môi trường chiến lược, tập trung vào các nội dung chính:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện tự nhiên; các vấn đề kinh tế - xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.
- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường.
- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường khi triển khai thực hiện Đề án.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN LẬP ĐỀ ÁN

1. Thành phần tham gia

- Cơ quan phê duyệt Đề án: UBND tỉnh Đắk Lắk
- Cơ quan đại diện chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Cơ quan thẩm định: Theo quy định hiện hành
- Đơn vị tư vấn: Lựa chọn theo quy định của pháp luật

2. Tiến độ thực hiện

Đề án được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng kể từ khi phê duyệt Đề cương và dự toán.

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Lập Đề cương và dự toán kinh phí lập Đề án	0,5 tháng
2	Trình thẩm định và phê duyệt Đề cương và dự toán: - Xin ý kiến các Sở, ban, ngành liên quan.	0,5 tháng

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
	- UBND tỉnh phê duyệt Đề cương và dự toán.	
3	Thủ tục lựa chọn nhà thầu tư vấn lập Đề án	0,5 tháng
4	Thu thập tài liệu liên quan, khảo sát thực địa, phân tích xử lý số liệu	01 tháng
5	Nghiên cứu xây dựng Đề án	06 tháng
6	Lấy ý kiến vào dự thảo Báo cáo tổng hợp Đề án (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với đơn vị tư vấn lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan liên quan và tổ chức các hội nghị xin ý kiến: - Xin ý kiến Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh, các Sở ban ngành liên quan - Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy	01 tháng
7	Chỉnh sửa hồ sơ theo góp ý của các cơ quan	01 tháng
8	Hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt	01 tháng
9	Phê duyệt Đề án	0,5 tháng

VII. DỰ KIẾN SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

1. Phần thuyết minh

- Báo cáo tổng hợp kèm theo bản đồ màu khổ A3.
- Báo cáo tóm tắt.
- Dự thảo Tờ trình đề nghị phê duyệt và Quyết định phê duyệt.

2. Phần bản đồ

- Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng.
- Bản đồ tài nguyên và hiện trạng phát triển du lịch.
- Bản đồ định hướng phát triển du lịch.

(Ghi chú: Tỷ lệ bản đồ thích hợp đảm bảo thể hiện rõ các nội dung cần thiết).

3. Ổ đĩa USB

Ổ đĩa USB chứa toàn bộ dữ liệu bản đồ và văn bản của Đề án.

VIII. DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP ĐỀ ÁN

1. Tổng chi phí (đã bao gồm VAT): 994.928.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí tư vấn xây dựng Đề án: **904.480.000 đồng**
- Thuế VAT (10%): **90.448.000 đồng**

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Kinh phí lập Đề án lấy từ nguồn ngân sách nhà nước do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.

DỰ TOÁN CHI TIẾT
LẬP ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Căn cứ lập dự toán

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.
- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;
- Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 24/8/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;
- Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Nghị quyết 30/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Văn bản số 01965/UBND-KGVX ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc xây dựng Đề án phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Dự toán chi tiết

ĐVT: Đồng

		Mức chuyên gia thực hiện	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
	TỔNG CHI PHÍ LẬP ĐỀ ÁN					994,928,000	
	Tổng cộng chi phí (I+II+III)					904,480,000	
	Thuế GTGT (10%)					90,448,000	
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP LẬP ĐỀ ÁN					742,570,000	
1	Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, biên tập báo cáo phân tích xử lý số liệu thu thập	CG2	Đồng/tuần	3	12,690,000	38,070,000	Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ
		CG3	Đồng/tuần	3	9,230,000	27,690,000	
2	Khảo sát thực tế					96,500,000	
2.1	Khảo sát đánh giá hiện trạng và thu thập thông tin (chuyên 1)					51,500,000	
	Vé máy bay đến Buôn Ma Thuột (khứ hồi) (5 vé)		Vé máy bay	5	5,000,000	25,000,000	Giá thị trường
	Thuê xe ô tô 7 chỗ đi khảo sát hiện trạng, các tuyến điểm du lịch hiện có thuộc khu vực phía Tây Đắk Lắk 1.000.000đ/ngày x 07 ngày		Đồng/ngày	7	1,000,000	7,000,000	Giá thị trường
	Thuê phòng nghỉ (5 người x 6 đêm)		Đồng/người/đêm	30	450,000	13,500,000	

	Phụ cấp lưu trú (5 người x 5 ngày)		Đồng/người/ngày	25	200,000	5,000,000	
	Vé vào các điểm du lịch khảo sát		Trọn gói	1	1,000,000	1,000,000	Giá thị trường
2.2	Khảo sát đánh giá hiện trạng và thu thập thông tin (chuyên 2)					45,000,000	
	Vé máy bay đến Tuy Hòa (khứ hồi) (5 vé)		Vé máy bay	5	5,000,000	25,000,000	Giá thị trường
	Thuê xe ô tô 7 chỗ đi khảo sát hiện trạng, các tuyến điểm du lịch hiện có thuộc khu vực phía Đông Đắk Lắk 1.000.000đ/ngày x 05 ngày		Đồng/ngày	5	1,000,000	5,000,000	Giá thị trường
	Thuê phòng nghỉ (5 người x 4 đêm)		Đồng/người/đêm	20	450,000	9,000,000	
	Phụ cấp lưu trú (5 người x 5 ngày)		Đồng/người/ngày	25	200,000	5,000,000	
	Vé vào các điểm du lịch khảo sát		Trọn gói	1	1,000,000	1,000,000	Giá thị trường
3	Xây dựng hồ sơ Đề án					580,310,000	Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ
3.1	Phân tích bối cảnh và xu thế phát triển mới ảnh hưởng đến du lịch tỉnh Đắk Lắk	CG2	Đồng/tuần	2	12,690,000	25,380,000	
3.2	Xây dựng hệ thống quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch cho giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến 2050	CG2	Đồng/tuần	2	12,690,000	25,380,000	
3.3	Nhiệm vụ và giải pháp phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk						
	Xây dựng bộ tiêu chí du lịch xanh	CG1	Đồng/tuần	1	16,150,000	16,150,000	
		CG2	Đồng/tuần	2	12,690,000	25,380,000	

	Xác định các thị trường mục tiêu	CG2	Đồng/tuần	2	12,690,000	25,380,000	
	Định hướng phát triển sản phẩm du lịch chủ lực, đặc thù và dịch vụ hỗ trợ	CG1	Đồng/tuần	1	16,150,000	16,150,000	
		CG2	Đồng/tuần	2	12,690,000	25,380,000	
		CG3	Đồng/tuần	2	9,230,000	18,460,000	
	Xây dựng mô hình phát triển du lịch xanh, bền vững, có trách nhiệm gắn với bảo tồn di sản và phát triển cộng đồng	CG2	Đồng/tuần	1	12,690,000	12,690,000	
		CG3	Đồng/tuần	1	9,230,000	9,230,000	
	Định hướng không gian phát triển du lịch	CG1	Đồng/tuần	2	16,150,000	32,300,000	
		CG2	Đồng/tuần	2	12,690,000	25,380,000	
		CG3	Đồng/tuần	2	9,230,000	18,460,000	
	Phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ các loại hình du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững	CG2	Đồng/tuần	1	12,690,000	12,690,000	
		CG3	Đồng/tuần	1	9,230,000	9,230,000	
	Đào tạo nguồn nhân lực; Truyền thông và nâng cao nhận thức; Tăng cường liên kết vùng và quốc tế	CG2	Đồng/tuần	2	9,230,000	18,460,000	
3.4	Các giải pháp phát triển du lịch	CG2	Đồng/tuần	2	12,690,000	25,380,000	
3.5	Xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm	CG2	Đồng/tuần	1	12,690,000	12,690,000	
3.6	Dự kiến nhu cầu nguồn nhân lực thực hiện và hiệu quả của Đề án	CG3	Đồng/tuần	1	9,230,000	9,230,000	
3.7	Đánh giá môi trường chiến lược, các giải pháp bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường	CG2	Đồng/tuần	1	12,690,000	12,690,000	

3.8	Xây dựng hệ thống các bản đồ thể hiện một số nội dung của đề án (thể hiện tài nguyên du lịch, hiện trạng cơ sở kỹ thuật du lịch, tổ chức không gian phát triển du lịch...)	CG2	Đồng/tuần	2	12,690,000	25,380,000	
3.9		CG3	Đồng/tuần	2	9,230,000	18,460,000	
3.10	Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, báo cáo trình bày, chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo theo góp của sở ban ngành, chuyên gia và hội đồng thẩm định nghiệm thu	CG1	Đồng/tháng	1	60,000,000	60,000,000	
3.11		CG2	Đồng/tháng	2	50,000,000	75,000,000	
3.12	Dự thảo tờ trình, quyết định phê duyệt đề án	CG2	Đồng/tuần	2	12,690,000	25,380,000	
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP LẬP ĐỀ ÁN					150,580,000	
1	Hợp xin ý kiến góp ý của chuyên gia, sở, ban ngành					49,800,000	Nghị quyết 30/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk
1.1	Chi phí tổ chức hội thảo					31,250,000	
	Thuê hội trường tổ chức hội thảo		Đồng/buổi	1	1,000,000	1,000,000	
	Chủ trì (1 người x 1 buổi)		Đồng/người/buổi	1	1,500,000	1,500,000	Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk
	Thư ký (1 người x 1 buổi)		Đồng/người/buổi	1	400,000	400,000	
	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo		Đồng/báo cáo	3	2,000,000	6,000,000	
	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo		Đồng/báo cáo	5	1,000,000	5,000,000	
	Thành viên tham gia hội thảo (40 người x 1 buổi)		Đồng/người/buổi	40	200,000	8,000,000	

	Văn phòng phẩm; In ấn Kỳ yếu, dự thảo báo cáo Đề án, tài liệu phục vụ họp hội thảo	Đồng/bộ	55	150,000	8,250,000	
	Nước uống (55 người x 1 buổi)	Đồng/người/buổi	55	20,000	1,100,000	
1.2	Chi phí đi lại của chuyên gia đi hội thảo				18,550,000	
	Vé máy bay đi Buôn Ma Thuột (khứ hồi)	Vé máy bay	3	5,000,000	15,000,000	
	Thuê xe ô tô cho các chuyên gia đi hội thảo	Đồng/ngày	2	500,000	1,000,000	
	Thuê phòng nghỉ cho chuyên gia (3 người x 01 đêm)	Đồng/người/đêm	3	450,000	1,350,000	
	Phụ cấp lưu trú cho chuyên gia (3 người x 2 ngày)	Đồng/người/ngày	6	200,000	1,200,000	
2	Hợp báo cáo UBND tỉnh Đắk Lắk (2 cuộc)				58,330,000	
2.1	Chi phí họp				22,780,000	
	Chủ trì (1 người x 2 cuộc)	Đồng/người/cuộc	2	1,300,000	2,600,000	Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk
	Thư ký (1 người x 2 cuộc)	Đồng/người/cuộc	2	250,000	500,000	
	Đại biểu tham dự (30 người x 2 cuộc)	Đồng/người/cuộc	60	200,000	12,000,000	
	Văn phòng phẩm, in ấn báo cáo Đề án, tài liệu phục vụ họp	Đồng/bộ	64	100,000	6,400,000	Tạm tính
	Nước uống (33 người x 2 cuộc)	Đồng/người/cuộc	64	20,000	1,280,000	
2.2	Chi phí đi lại của chuyên gia đi báo cáo (2 chuyến)				35,550,000	
	Vé máy bay đi Buôn Ma Thuột (khứ hồi) (3 vé x 2 chuyến)	Vé máy bay	6	5,000,000	30,000,000	
	Thuê xe ô tô cho các chuyên gia đi báo cáo	Đồng/ngày	2	1,500,000	3,000,000	
	Thuê phòng nghỉ cho chuyên gia (3 người x 01 đêm)	Đồng/người/đêm	3	450,000	1,350,000	

	Phụ cấp lưu trú cho chuyên gia (3 người x 2 ngày)		Đồng/người/ngày	6	200,000	1,200,000	
3	Hợp nghiệm thu Đề án					33,850,000	
3.1	Chi phí họp					21,150,000	
	Chủ tịch Hội đồng (1 người x 1 buổi)		Đồng/người/buổi	1	1,300,000	1,300,000	Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk
	Thư ký (1 người x 1 buổi)		Đồng/người/buổi	1	250,000	250,000	
	Thành viên Hội đồng (8 người x 01 buổi)		Đồng/người/buổi	8	1,000,000	8,000,000	
	Đại biểu tham dự (20 người x 1 buổi)		Đồng/người/buổi	20	200,000	4,000,000	
	Nhận xét của ủy viên Hội đồng		Đồng/phiếu	7	500,000	3,500,000	
	Nhận xét của ủy viên phản biện trong Hội đồng		Đồng/phiếu	2	700,000	1,400,000	
	Văn phòng phẩm và in ấn báo cáo Đề án, tài liệu phục vụ họp		Đồng/bộ	30	70,000	2,100,000	Tạm tính
	Nước uống (30 người x 1 buổi)		Đồng/người/buổi	30	20,000	600,000	
3.2	Chi phí đi lại của chuyên gia đi báo cáo					12,700,000	
	Vé máy bay đi Buôn Ma Thuột (khứ hồi) (2 vé x 1 chuyến)		Vé máy bay	2	5,000,000	10,000,000	
	Thuê xe ô tô cho các chuyên gia đi báo cáo		Đồng/ngày	2	500,000	1,000,000	
	Thuê phòng nghỉ cho chuyên gia (2 người x 01 đêm)		Đồng/người/đêm	2	450,000	900,000	
	Phụ cấp lưu trú cho chuyên gia đi báo cáo (2 người x 2 ngày)		Đồng/người/ngày	4	200,000	800,000	
4	Văn phòng phẩm, in ấn, chuyển phát nhanh tài liệu		Trọn gói			5,000,000	Giá thị trường
5	In ấn đóng quyển báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, hệ thống bản đồ bản giao sản phẩm cuối cùng		Đồng/bộ	20	180,000	3,600,000	Giá thị trường

III CHI PHÍ ĐẤU THẦU						11,330,000	
1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu		Mức tối thiểu		0.20%	3,000,000	Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu		Mức tối thiểu		0.10%	2,000,000	
3	Chi đánh giá hồ sơ dự thầu		Mức tối thiểu		0.20%	3,000,000	
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		Mức tối thiểu		0.10%	3,000,000	
5	Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu; Thông báo mời thầu		Theo quy định			330,000	Điều 5, Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30/9/2021

Tổng cộng: 994.928.000 (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng)